TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/HS-ST
Ngày: 22-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Minh.

2/ Ông Phùng Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 153/2023/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy K** (Không có tên gọi khác); Sinh ngày 24 tháng 8 năm 2001, tại tỉnh Cà Mau; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Lớp 08/12; Cha tên Nguyễn Văn M và mẹ tên Nguyễn Hồng C; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 người em sinh năm 2008; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn A – sinh năm 1968 (đã chết).

Đại diện theo pháp luật của bị hại:

1/ Bà Cao Thị Ánh Đ – sinh năm 1965 (vợ của bị hại).

2/ Anh Nguyễn Tiến T – sinh năm 2000 (con của bị hại).

3/ Anh Nguyễn Tiến Q – sinh năm 2002 (con của bị hại).

Cùng cư trú: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ Anh Nguyễn Tiến V – sinh năm 1991 (con của bị hại) (có mặt).

Cư trú: số E, đường G, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Anh V là đại diện ủy quyền của bà Đ, anh T, anh Q.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Trần Minh T1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Đặng Văn L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Trần Thông T2, sinh năm 2002 (có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

* *Người làm chứng*:

1/ Nguyễn Quốc L1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2/ Nguyễn Phú T3, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3/ Trần Đăng H, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người giám hộ: Ngô Văn T4 – sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 55 phút ngày 22/05/2023, bị cáo Nguyễn Duy K điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71 chở phía sau là Trần Đăng H lưu thông trên Quốc lộ A hướng T - M. Khi đến Km 1980+470m, đoạn thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo K điều khiển xe lưu thông trên làn đường giữa (*đoạn đường này có biển báo "Đường người đi bộ cắt ngang" và "đường giao nhau của đường không ưu tiên")* nhưng bị cáo K không giảm tốc độ trong khu vực có biển báo nguy hiểm và không giữ khoảng cách an toàn với xe lưu thông phía trước cùng chiều dẫn đến va chạm với xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84 do bị hại ông Nguyễn Văn A đang điều khiển phía trước đang chuyển làng từ hướng phải qua trái Quốc lộ A gây tai nạn làm ông A và xe 63C1-097.84 ngã xuống đường. Khi xảy ra tai nạn thì bị cáo K, H và xe 59S3-109.71 ngã xuống đường va cham vào mặt ngoài má lốp và vành bánh trước bên phải xe ô tô tải biển số 64H-017.99 do anh Trần Minh T1 điều khiển lưu thông cùng chiều trên làn

đường sát dãi phân cách. Cũng tại thời điểm này, xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07 do anh Trần Thông T2 điều khiển chở phía sau là Nguyễn Phú T3 lưu thông làn đường giữa phía sau cùng chiều với xe 59S3-109.71 va chạm vào xe 59S3-109.71 đã ngã khi gây tai nạn với xe 63C1-097.84. Hậu quả: sau tai nạn ông Nguyễn Văn A tử vong tại hiện trường, hư hỏng các phương tiện liên quan trong vụ tai nạn.

* Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 17 giờ, ngày 22/5/2023 ghi nhận: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn được xác định tại Km 1980+470m, đoạn thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang có mặt đường bê tông nhựa bằng phẳng, không có chướng ngại vật. Mặt đường chia thành hai chiều đường xe chạy riêng biệt được phân chia bằng dãi phân cách cứng cố định. Chiều đường xe chạy hướng T - M được chia thành 3 làn xe chạy, làn đường sát dãi phân cách cứng rộng 3,5m, làn đường thứ hai là làn đường hỗn hợp rộng 3,5m được phân chia bằng vạch sơn trắng không liên tục, làn đường bên lề phải rộng 1,6m được phân chia bằng vạch sơn màu trắng liền lạc.

Nằm dọc lề phải theo hướng khám nghiệm là biển báo "Đường người đi bộ cắt ngang", kí hiệu là (A) trong sơ đồ. Nằm dọc lề phải theo hướng khám nghiệm là biển báo "Đường giao nhau của đường không ưu tiên", kí hiệu (B) trong sơ đồ. Từ tâm của biển báo (A) đến tâm của biển báo (B) là 47,40m. Từ tâm của biển báo (B) đến đầu vết cày của xe 63C-097.84 là 48,50m.

(1) là vị trí của vùng vết cày xe mô tô 63C1-067.94 nằm dọc theo hướng khám nghiệm dạng không liên tục đầu vết cày hướng về T. Đầu vết cày cách mép chuẩn là 2,40m, từ đầu vết cày đến xe mô tô 63C1-097.84 là 17,35m, rộng 0,70m.

(2) là vị trí vùng vết cày của xe mô tô 59S3-109.71 nằm dọc theo hướng khám nghiệm có dạng không liên tục đầu vết cày hướng về T, từ đầu của vết cày xe mô tô 63C1-067.94 (1) đến đầu của xe mô tô 59S3-109.71 (2) là 6,30m, từ đầu của (2) cách mép chuẩn là 3,10m, từ đầu của (2) đến xe mô tô 59S3-109.71 là 40,70m rộng 1,10m.

(3) là vị trí của xe mô tô 63C1-097.84 ngã về bên trái dọc theo hướng khám nghiệm, đầu xe hướng về T, đầu xe hướng về M. Từ đầu vết cày của xe mô tô 59S3-109.71 (2) đến trục trước của xe mô tô 63C1-097.84 (3) là 10,40m, từ trục trước (3) cách mép chuẩn là 0,25m, từ trục sau của (3) cách mép chuẩn là 0,25m.

(4) là vị trí vùng vết cày của xe mô tô 69F1-720.07 nằm dọc theo hướng khám nghiệm dạng không liên tục. Từ trục sau của xe 63C1-097.84 (3) đến đầu vết cày của xe mô tô 69F1-720.07 (4) hướng Trung Lương là 4m30, từ đầu của (4) cách mép chuẩn là 2,30m, từ đầu của (4) đến xe mô tô 69F1-720.07 là 27m rộng 0.50m.

(5) là vị trí của mô não người (nghi là óc người) nằm dọc theo hướng khám nghiệm có kích thước là (20x10)cm, từ đầu của (4) đến tâm (5) là 0,50m, từ tâm của (5) cách mép chuẩn là 1,80m.

(6) là vị trí của nạn nhân nằm úp dọc tại vị trí mép chuẩn dọc theo hướng khám nghiệm đầu hướng vào dãy phân cách cứng cố định, chân hướng vào lề phải. Từ tâm vị trí của mô não người (5) đến đỉnh đầu của vị trí của nạn nhân (6)

là 2,40m, từ đỉnh đầu của (6) cách mắp chuẩn là 0,50m, từ chân trái của (6) cách mép chuẩn là 0,30m, từ chân phải của (6) cách mép chuẩn là 0,55m.

(7) là vị trí của xe mô tô 59S3-109.71 ngã về bên trái dọc theo hướng khám nghiệm, đầu xe hướng về M, đuôi xe hướng về T, từ trục sau của xe mô tô 63C1-097.84 (3) đến trục sau của (7) là 29,30m. Từ trục sau của (7) cách mép chuẩn là 3,80m, từ trục trước của (7) cách mép chuẩn là 3,75m.

(8) là vị trí của xe mô tô 69F1-720.07, nằm dọc theo hướng khám nghiệm, ngã về bên phải, đầu xe chếch về hướng M, đuôi xe chếch về hướng T, từ trục trước của xe mô tô 59S3-109.71 (7) đến trục trước xe mô tô 69F1-720.07 (8) là 1,80m, từ trục trước của (8) cách mép chuẩn là 2m, từ trục sau của (8) cách mép chuẩn 0,8m, từ trục sau của xe mô tô 63C1-097.84 (3) đến trục sau của (8) là 30,40m.

(9) là vị trí của xe ô tô tải 64H-017.99 nằm dọc theo hướng khám nghiệm đầu xe hướng về M, đuôi xe hướng về T. Từ trục trước của xe mô tô 69F1-720.07 (8) đến tâm bánh sau bên phải của (9) là 21,40m. Từ tâm bánh sau bên phải của (9) cách mép chuẩn là 6,30m từ tâm bánh trước bên phải của (9) cách mép chuẩn là 6,45m.

(10) là vị trí của biển báo cấm đi ngược chiều nằm trên đầu dãy phân cách cứng bên trái dọc theo hướng khám nghiệm, từ tâm bánh trước bên trái của xe ô tô tải 64H-017.99 (9) đến cách vị trí của biển báo cấm đi ngược chiều (10) là 4,50m, từ mép chuẩn chếch (10) là 9m.

* *Khám xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71 ghi nhận:* Ốp lưng gương chiếu hậu bên phải trầy xước, kích thước (14x7)cm, giá đỡ gương chiếu hậu bị mài mòn kích thước (3x0,5)cm; Ốp bảo vệ hộp đầu đèn trước bên trái có vết trầy xước không liên tục, kích thước (16,5x12)cm; Đầu tay cầm bên trái bị mài mòn kim loại kích thước (1,5x0,5)cm; Đầu tay côn bị gãy; Mặt nạ trước bên trái có vết trầy xước không liên tục, kích thước (8,5x5)cm; Cánh yếm bên trái bị mài mòn, kích thước (4x1)cm; Cần số bị cong vênh; Gác chân trước bên trái cong về sau, đầu gác chân bị mài mòn, kích thước (3,5x2)cm; Gác chân sau bên trái bị mài mòn kim loại, kích thước (11x3)cm; Ốp bảo vệ sườn bên phải có vết trầy xước, mài mòn, kích thước (27x4,5)cm; Tay dắt bên trái có vết mài mòn kim loại, kích thước (2,5x2)cm; Xi nhan sau bên trái bị bể, hở; Đầu phuộc bánh trước bên phải có vết trượt xước kích thước (3,5x4)cm, tâm cách đất 28cm; Ốc trục bánh trước bên phải có vết trượt xước kích thước (1x1)cm, tâm cách đất 28cm; Cánh yếm bên phải có vết trượt xước, kích thước (23x12) cm; Phanh chân cong về sau; Gác chân trước bên phải cong về sau, tâm cách đất 24cm.

* *Khám xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84 ghi nhận:* Gương chiếu hậu bên trái gãy rời khỏi vị trí ban đầu, trên thân gương có vết trầy xước; Đèn xi nhan trước bên trái trầy xước mặt mica, kích thước (7x2,5)cm; Ốp bảo vệ đầu đèn phía trước bên trái có vết trầy xước, kích thước (4,5x1)cm; Đầu tay cầm bên trái có vết trầy xước, kích thước (3x1,5)cm; Gác chân trước bên trái cong về trước, đầu gác chân có vết mài mòn, kích thước (2,5x1)cm, tâm cách đất 24cm; Chân chống ngang cong về phía trước; Đầu chân chống đứng bên trái có vết trầy xước, mài mòn, kích thước (3x4,5)cm; Gác chân sau bên trái bị gãy; Đầu ốc phuột sau bên

trái có vết mài mòn, kích thước (1,5x1,5)cm, tâm cách đất 30cm; Bọc sên xe có vết trượt xước, kích thước (44x5)cm, đầu trên phía sau bộc sên có vết trượt xước, hằn mất bụi, kích thước (12x4)cm; Lốp xe sau bên trái có vết hằn mất bụi, kích thước (15x3,5)cm; Tay dắt bên trái có vết trầy xước, mài mòn, kích thước (10x3)cm; Đuôi chắn bùn sau có vết trầy xước cao su, kích thước (5,5x2,5)cm.

** Khám xe ô tô tải biển số 64H-017.99 ghi nhận:* Cản trước bên phải có vết trầy xước không liên tục, kích thước (35x15)cm; Cánh cửa trước bên phải có vết trầy xước, kích thước (8x5,5)cm; Mâm bánh trước bên phải có vết hằn mất bụi, kích thước (51x3,5)cm; Lốp xe bánh trước phía ngoài có vết hằn mất bụi, kích thước (7,5x6)cm; Hông thùng bên phải có vết trượt xước, kích thước (45x3)cm; Chắn buồng bánh sau mặt ngoài phía trước có vết hằn mất bụi, kích thước (8,5x4)cm.

** Khám xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07 ghi nhận:* Ốp đầu đèn phía trước bên phải có vết trầy xước, kích thước (29x10,5)cm; Đầu tay cầm bên phải trầy xước, kích thước (2x1)cm; Đầu tay phanh bên phải có vết mài mòn, kích thước (1,5x1)cm; Mặt nạ trước bên phải có vết trầy xước, kích thước (29x4,5)cm; Đèn xi nhan trước bên phải bể, trầy xước, kích thước (7x2)cm; Cánh yếm bên phải trầy xước, kích thước (31x13)cm; Gác chân trước bên phải cong về sau, đầu gác chân có vết trầy xước, kích thước (1,5x1)cm; Cần số cong về sau, đầu cần số có vết mài mòn, kích thước (2,5x0,5)cm; Ố bảo về sườn bên phải có vết mài mòn, nứt, kích thước (8x6,5)cm; Tay dắt bên phải bị trầy xước, kích thước (17x0,5)cm; Ốp bảo vệ bộ phận giảm thanh có vết trầy xước, kích thước (30,5x4)cm; Mặt dưới cổ bộ phận giảm thanh có vết trầy xước, hằn mất bụi, kích thước (25)cm; Mặt dưới lốc máy xe có vết trầy xước kim loại, dài 15cm, có dính nhiều sợi màu đen nghi tóc; Mặt dưới chân chống đứng có vết trầy xước hằn mất bụi dài 10cm, có dính nhiều sợi màu đen nghi tóc; Mặt trong niềng bánh sau có vết màu đỏ (nghi có máu).

* Tại bản kết luận giám định số: 3700/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ tai nạn giao thông nêu trên như sau:

1. Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe ô tô tải biển số 64H-017.99 và xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71.

2. Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe ô tô tải biển số 64H-017.99 và xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84.

3. Các dấu vết trượt xước, in hằn, bám chất màu đen, cong biến dạng các chi tiết phía trước bên phải và bên phải xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71 (gồm: nhún trước, ốc đầu trục bánh trước, cánh yếm, ốp nhựa đầu xe, đèn trợ sáng gắn trước ốp nhựa đầu xe, cần đạp phanh sau, để chân trước có chiều từ trước về sau, từ trái sang phải) phù hợp với các dấu vết trượt xước, in hằn, gãy, cong biến dạng các chi tiết phía sau bên trái và bên trái xe mô tô biển số 63C1-097.84 (bên dưới hộp bảo vệ xích, để chân sau, càng bên trái chân chống giữa, chân chống nghiêng, để chân trước, phía sau ốp nhựa đầu xe có chiều từ sau về trước, từ phải sang trái). Tọa độ va chạm giữa hai phương tiện nằm ở phía trước đầu vết cày số 1 và nằm

trên làn đường giữa theo hướng từ T đi M; Không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm cách lề đường bên phải theo hướng T - M là bao nhiêu mét.

4. Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07 và xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84.

5. Dấu vết trượt xước, mặt lăn và má bên phải lốp bánh trước xe mô tô biển số 69F1-720.07 có chiều từ mặt lăn vào tâm bánh; khi hai xe mô tô đã đổ xuống đường. Tọa độ va chạm giữa hai phương tiện nằm ở sau đầu vết cày số 4 và nằm trên làn đường giữa theo hướng từ T đi M; Không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm cách lề đường bên phải theo hướng T - M là bao nhiêu mét.

6. Không đủ cơ sở xác định xe mô tô biển số 69F1-720.07 có va chạm với nạn nhân Nguyễn Văn A.

7. Dấu vết trượt sạch bụi dạng vân vải mặt ngoài má lốp và vành bánh trước bên phải xe ô tô tải biển số 64H-017.99 có chiều ngược chiều quay tiến của bánh xe phù hợp va chạm với người trên xe mô tô biển số 59S3-109.71.

8. Dấu vết trượt xước, sạch bụi bám chất màu trắng, đen, xanh mặt dưới các chi tiết bên phải xe mô tô 59S3-109.71: để chân trước, trục cần khởi động, pô xe có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm vật cản khác.

9. Không phát hiện dấu vết va chạm với người, vật hay phương tiện nào khác trên xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07.

10. Không phát hiện dấu vết va chạm với người, vật hay phương tiện nào khác trên xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84.

11. Khi va chạm xe ô tô tải biển số 64H-017.99, xe mô tô biển số 59S3-109.71, xe mô tô biển số 69F1-720.07 và xe mô tô biển số 63C1-097.84 có hướng lưu thông cùng chiều trên Quốc lộ A theo hướng từ T đi M.

* Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện và kết luận giám định xác định: Hướng đi của xe mô tô 63C1-097.84 khi xảy ra tai nạn là hướng T - Mỹ Thuận duy chuyển từ phải qua trái Quốc lộ A; Hướng đi của xe 59S3-109.71 khi xảy ra tai nạn là Trung Lương - M; H1 đi của xe 69F1-720.07 phía sau cùng chiều với xe 59S3-109.71; Hướng đi của xe ô tô tải 64H-017.99 là Trung Lương - M; Vùng va chạm giữa xe 59S3-109.71 với xe 63C1-097.84 được xác định trên làn đường giữa hướng T - M, ký hiệu là (A) trong sơ đồ hiện trường. Điểm đụng (A) nằm trước đầu vết cày ký hiệu là (2) trong sơ đồ hiện trường; Vùng va chạm giữa xe mô tô 69F1-720.07 với xe 59S3-109.71 được xác định trên làn đường giữa, được ký hiệu là (B) trong sơ đồ hiện trường. Điểm đụng (B) nằm trước vết cày có ký hiệu là (4) trong sơ đồ hiện trường.

* Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 165-2023/KLGĐTT-TTPY ngày 22/5/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận đối với tử thi Nguyễn Văn A như sau:

1. Các kết quả chính: Gãy xương gò má phải và trái, gãy xương chính mũi; Gãy kín đầu trên xương cánh tay phải; Gãy kín xương sườn cung trước 3, 4, 5, 6 bên phải; Tụ máu dưới da đầu từ trán thái dương đỉnh trái; Vỡ xương sọ phức tạp

nhiều mảnh; Vỡ dập toàn bộ nhu mô não; Vỡ sàn sọ trước và sau phức tạp; Kết quả xét nghiệm nồng độ Alcool trong máu tử thi Nguyễn Văn A: 24.7 mg/dl

2. Kết luận:

- Nguyên nhân tử vong tử thi Nguyễn Văn A là chấn thương sọ não hở do dập vỡ toàn bộ nhu mô não. Vỡ vòm sọ, sàn sọ trước phức tạp. Vỡ xương hàm mặt. Gãy xương sườn do tai nạn giao thông.

- Kết quả xét nghiệm nồng độ Alcool trong máu tử thi Nguyễn Văn A: 24.7 mg/dl.

* Tại bản kết luận định giá lại tài sản số: 86/KL-HĐĐG ngày 19/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Tiền Giang kết luận:

- Giá trị thiệt hại của xe mô tô 2 bánh biển số 69F1-720.07 bị hư hỏng do tai nạn là 2.116.000 đồng .

- Giá trị thiệt hại của xe mô tô 2 bánh biển số 59S3-109.71 bị hư hỏng do tai nạn là 3.752.600 đồng

- Giá trị thiệt hại của xe mô tô 2 bánh biển số 63C1-097.84 bị hư hỏng do tai nạn là 1.098.000 đồng.

*** Vật chứng, đồ vật thu giữ và xử lý:**

- 01 (một) đĩa DVD lưu trữ đoạn Video ghi nhận diễn biến vụ tại nạn giao thông đường bộ xảy ra ngày 22/05/2023 tại Km 1980+470m, đoạn thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang thu giữ từ camera hành trình xe 64H-017.99. Kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) đĩa DVD lưu trữ đoạn Video ghi nhận diễn biến vụ tại nạn giao thông đường bộ xảy ra ngày 22/05/2023 tại Km 1980+470m, đoạn thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang thu giữ từ camera nhà ông Lê Văn T5, sinh năm 1976, nơi thường trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71 do Phạm Minh T6, sinh năm 1995, nơi thường trú: 67A Bình Chiểu, TDP D, khu phố C, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Anh T6 đã bán lại xe này cho hộ kinh doanh xe máy Lư Minh, địa chỉ 703/13, tỉnh lộ 10, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh và Trần Thông T2 mua lại xe này để làm phương tiện đi lại đến ngày 22/05/2023 bị cáo K điều kiển xe này chở H đi về quê thì xảy ra tai nạn và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790219015158 cấp cho Trần Thông T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý trả lại Thái xong.

- 01 (một) xe biển số 63C1-097.84; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84 do anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1991, nơi thường trú: E G, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (con của ông Nguyễn Văn A) đứng tên chủ sở hữu và 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 820032020494 cấp cho Nguyễn

Văn A. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý trả lại cho anh Nguyễn Tiến V là đại diện của gia đình nạn nhân Anh xong.

- 01 (một) xe ô tô tải biển số 64H-017.99; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định ô tô tải biển số 64H-017.99 (bản sao, kèm hồ sơ vụ án) của anh Đặng Văn L, sinh năm: 1980, nơi thường trú: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý trả lại xe 64H-017.99 cho anh L xong.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 920187000674 cấp cho Trần Minh T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý trả lại T1 xong.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07 do anh Nguyễn Phú T3, sinh năm 2000, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử lý trả lại anh T3 xong.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 960205001845 tên Nguyễn Duy K do Sở Giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 29/3/2022. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiếp tục tạm giữ, chờ xử lý.

Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn trên là do Nguyễn Duy K điều khiển xe 59S3-109.71 lưu thông không giảm tốc độ trong khu vực có biển báo nguy hiểm và không giữ khoảng cách an toàn đối với xe lưu thông phía trước cùng chiều đã để xe 59S3-109.71 va chạm với xe mô tô biển số 63C1-097.84 do Nguyễn Văn A điều khiển đang chuyển làn ở phía trước dẫn đến gây tai nạn dẫn đến chết 01 người. Hành vi của Nguyễn Duy K đã vi phạm vào khoản 23 Điều 8, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và vi phạm khoản 1 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G.

*** Về giải quyết trách nhiệm dân sự:**

- Anh Nguyễn Tiến V đại diện gia đình bị hại Nguyễn Văn A yêu cầu các bên có liên quan trong vụ tai nạn gây ra cái chết của ông A, bồi thường số tiền 191.098.000 đồng. Trong đó: chi phí mai táng với số tiền 190.000.000 đồng và chi phí sửa chữa xe 63C1-097.84 là 1.098.000 đồng. Nguyễn Duy K đã bồi thường 30.000.000 đồng. Anh Trần Thông T2 hỗ trợ chi phí mai táng cho ông A 80.000.000 đồng. Số tiền còn lại 81.098.000 đồng yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Đặng Văn L là chủ xe tô tải biển số 64H-017.99 và Trần Minh T1 là tài xế xe 64H-017.99 không hỗ trợ chi phí mai táng nạn nhân do xe 64H-017.99 không có liên quan trong vụ tai nạn.

- Xe mô tô 2 bánh biển số 59S3-109.71 của anh Trần Thông T2 bị hư hỏng do tai nạn là 3.752.600 đồng. Bị can K đã sửa chữa xong nên T2 không yêu cầu gì thêm.

- Xe mô tô 2 bánh biển số 69F1-720.07 của anh Nguyễn Phú T3 bị hư hỏng do tai nạn là 2.116.000 đồng. Trần Thông T2 đã sửa chữa xe 69F1-720.07 bị hỏng do tai nạn nên T3 không yêu cầu gì thêm.

Trong vụ tai nạn giao thông nói trên, Trần Thông T2 bị thương tích gãy xương bàn 3, 4 bàn chân phải. Tuy nhiên, T2 có đơn xin từ chối giám định và cam kết không thắc mắc khiếu nại về sau.

Theo Cáo trạng số 161/CT-VKSCT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

* **Tại phiên tòa**: Bị cáo K khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo khai vào ngày 22/5/2023 bị cáo điều khiển xe 59S3-109.71 chở H ngồi phía sau, bị cáo luôn điều khiển xe lưu thông trên làn đường giữa, khi đến đoạn đường xảy ra tai nạn, do bị cáo tránh xe tải phía trước và không giảm tốc độ nên bị cáo đã va chạm với xe của bị hại, bị cáo không nhớ cụ thể va chạm như thế nào. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã đứng dậy đi vào lề thì bị cáo ngất xỉu và được đưa vào trung tâm y tế. Bị cáo thống nhất với các bản kết luận giám định. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là 50.000.000 đồng, anh T2 là chủ sở hữu xe 59S3-109.71 bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Do gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng và chi phí sửa xe là 191.098.000 đồng, nên bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền còn lại là 61.098.000 đồng.

Anh Nguyễn Tiến V đại diện gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng và chi phí sửa xe 63C1-097.84 là 191.098.000 đồng. Anh đã nhận của bị cáo số tiền 50.000.000 đồng và nhận của anh T2 số tiền 80.000.000 đồng nên anh yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại là 61.098.000 đồng cho anh 01 lần. Đối với trách nhiệm hình sự thì anh đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thông T2 trình bày: Vào ngày 22/5/2023 anh cùng với H, T3 và bị cáo K chạy xe máy từ thành phố Hồ Chí Minh về Cà Mau. Anh điều khiển xe mô tô biển số 69F1-720.07 (xe của T3) chở T3 ngồi phía sau lưu thông ở làn đường giữa chạy phía sau cùng chiều với xe 59S3-109.71 do bị cáo K điều khiển. Khi đến đoạn đường xảy ra tai nạn do anh không xử lý kịp khi xe của bị cáo K va chạm với xe khác nên xe của anh cũng bị ngã ra đường. Khi bị tai nạn anh bị thương tích gãy xương bàn 3, 4 bàn chân phải và anh có đơn xin từ chối giám định, anh cam kết không thắc mắc khiếu nại về sau. Anh đã hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000 đồng và số tiền 2.116.000 đồng anh sửa xe của anh T3, anh không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy K và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo K 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 960205001845 mang tên Nguyên Duy K1 do Sở giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 29/3/2022. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền 61.098.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, Điều 591 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền 61.098.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo đi làm có tiền bồi thường cho gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo K1 khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông; Kết luận giám định pháp y về tử thi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 55 phút ngày 22/05/2023, tại Km 1980+470m trên quốc lộ1A đoạn thuộc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang bị cáo Nguyễn Duy K điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71 lưu thông trên đường trong khu vực có biển báo nguy hiểm nhưng không giảm tốc độ và không giữ khoảng cách an toàn đối với xe phía trước dẫn đến xe 59S3-109.71 va chạm với xe mô tô biển số 63C1-097.84 do ông Nguyễn Văn A điều khiển gây tai nạn. Hậu quả ông Nguyễn Văn A chết. Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy K đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng và tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Bị cáo K không

có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo K đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và có thái độ ăn năn, hối cải; sau khi phạm tội đã khắc phục một phần hậu quả; gia đình bị cáo có công với cách mạng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Tiến V đại diện gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí mai táng và chi phí sửa xe là 191.098.000 đồng. Anh Tiến V đã nhận của bị cáo 50.000.000 đồng và nhận của anh T2 80.000.000 đồng. Anh Tiến V yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 61.098.000 đồng làm 01 lần cho anh. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền 61.098.000 đồng theo yêu cầu của anh Tiến V nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền 61.098.000 đồng cho gia đình bị hại ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 80.000.000 đồng mà anh T2 đã hỗ trợ cùng với bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại và số tiền anh T2 đã sửa xe 69F1-720.07 của anh T3 bị hư hỏng do tai nạn là 2.116.000 đồng, anh T2 không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang đã trả lại 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 59S3-109.71 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790219015158 cho Trần Thông T2; trả lại 01 (một) xe biển số 63C1-097.84, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63C1-097.84 và 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 820032020494 mang tên Nguyễn Văn A cho anh Nguyễn Tiến V là đại diện của gia đình nạn nhân Anh; trả lại 01 (một) xe ô tô tải biển số 64H-017.99 cho anh L; trả lại 01 (một) giấy phép lái xe hạng C số 920187000674 cho Trần Minh T1; trả lại 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 69F1-720.07 cho anh Nguyễn Phú T3 là đúng quy định pháp luật.

Đối với giấy phép lại xe hạng A1 số 960205001845 tên Nguyễn Duy K do Sở Giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 29/3/2022 nên cần trả lại cho bị cáo K.

[6] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo K là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy K** phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy K 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo K 01 giấy phép lại xe hạng A1 số 960205001845 tên Nguyễn Duy K do Sở Giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 29/3/2022.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/12/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo K bồi thường tiếp cho hàng thừa kế của bị hại ông A số tiền 61.098.000 đồng, thực hiện bồi thường ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày hàng thừa kế của ông A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo K không bồi thường thì bị cáo K phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí

Áp dụng Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.054.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh